

**DANH MỤC ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA SINH VIÊN ĐƯỢC XÉT CHỌN NĂM HỌC 2024 - 2025  
VÀ GÓP Ý CHỈNH SỬA**

*Kèm theo Công văn số 4223/ĐHQN-KHCNHTQT ngày 29 tháng 10 năm 2024*

STT	Tên đề tài	Người hướng dẫn	Nhóm sinh viên thực hiện/Lớp/ Khóa Số điện thoại liên hệ	Góp ý chỉnh sửa	Kinh phí hỗ trợ	Sản phẩm/ Ứng dụng
<b>Khoa Kinh tế &amp; Kế toán: 11</b>						
1.	Ảnh hưởng của yếu tố địa lý đến tăng trưởng kinh tế ở các địa phương của Việt Nam	TS. Đàm Đình Mạnh	<b>1. Trương Huỳnh Gia Hân Lớp Kinh tế K44</b> 2. Phan Văn Hiệp Lớp Kinh tế K44 3. Nguyễn Thanh Trúc Lớp Kinh tế K44 4. Lê Anh Kiệt Lớp Kinh tế K44 5. Trần Thị Mỹ Hồng Lớp Kinh tế K44	Viết lại mục tiêu NC (ngắn gọn), phạm vi nghiên cứu; không gian NC: 63 tỉnh thành ở Việt Nam; đối với từ viết tắt bằng tiếng Anh, cần ghi đầy đủ trước khi viết tắt.	4.200.000	01 bài báo khoa học được chấp nhận đăng trên Tạp chí Khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo có phân biện.
2.	Nghiên cứu tác động của tín dụng vi mô đến chi tiêu thực phẩm của các hộ gia	TS. Đào Vũ Phương Linh	<b>1. Nguyễn Bảo Ý Lớp Kinh tế K45</b> 2. Hồ Hà Thùy Tiên Lớp Kinh tế K45	Viết lại mục tiêu nghiên cứu; không gian nghiên cứu: hộ gia đình nông thôn Việt Nam; giai đoạn 2016-2020, hơi cũ, nếu có thể cập nhật mốc thời gian mới hơn.	4.200.000	01 bài báo khoa học được chấp nhận đăng trên Tạp chí Khoa học hoặc kỷ yếu



*Handwritten signature or mark in blue ink.*

	đình nông thôn miền Trung Việt Nam		3. Nguyễn Thị Thanh Tuyền Lớp Kinh tế K45 4. Nguyễn Phúc Nhân Lớp Kinh tế K44 5. Lê Thị Lợi Lớp Kinh tế K44			hội nghị, hội thảo có phản biện.
3.	Thành quả trách nhiệm xã hội và hiệu quả tài chính - Nghiên cứu trường hợp các doanh nghiệp kinh doanh hàng tiêu dùng thiết yếu tại Việt Nam	TS. Lê Thị Mỹ Tú	1. <b>Lê Hồng Hạnh Lớp Kiểm toán K45</b> 2. Lê Thị Kim Thúy Lớp Kiểm toán K45 3. Nguyễn Thị Kim Ngân Lớp Kiểm toán K45 4. Nguyễn Trần Quỳnh Nhi Lớp Kế toán K46 5. Nguyễn Thị Thùy Bích Lớp Kiểm toán K45	<i>Lý do chọn ĐT:</i> không gạch đầu dòng, cập nhật các nghiên cứu mới; làm rõ mục tiêu nghiên cứu; thống nhất sử dụng thuật ngữ: <b>thực hành trách nhiệm xã hội</b> ; <i>sản phẩm ứng dụng:</i> các nghiên cứu là tài liệu tham khảo cho đối tượng nào?	4.200.000	01 bài báo khoa học được chấp nhận đăng trên Tạp chí Khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo có phản biện.
4.	Ứng dụng bảng cân đối liên ngành trong việc lựa chọn các ngành kinh tế trọng điểm tại Việt Nam	TS. Trương Thị Thanh Phượng	1. <b>Tạ Hoài Thương Lớp Kế toán K46B</b> 2. Nguyễn Ngọc Lan Quy Lớp Kế toán K46B 3. Lê Thị Thanh Hằng Lớp Kế toán K46B 4. Bùi Lương Cẩm Tú Lớp Kế toán K46B	Mục tiêu chung: bỏ ý 2; mục tiêu cụ thể: là kết quả của nghiên cứu chứ không phải là cách tiếp cận hay bước thực hiện; khả năng ứng dụng: viết lại; cách trích dẫn TLTK tới 2012: cập nhật tính tổng quan đến hiện tại; bộ dữ liệu quá cũ. Sản phẩm: bỏ BCTK.	4.200.000	01 bài báo khoa học được chấp nhận đăng trên Tạp chí Khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo có phản biện.
5.	Nghiên cứu ảnh hưởng của công bố thông tin trách nhiệm xã hội đến hiệu quả tài chính tại các công ty niêm yết trên thị	Th.S Phạm Thị Lai	1. <b>Nguyễn Lê Thùy Uyên Lớp Kế toán CLC K45</b> 2. Lê Thị Thanh Tuyền Lớp Kế toán CLC K45 3. Lê Thị Mỹ Nhân Lớp Kế toán CLC K45	Mục tiêu: thay phân tích bằng đánh giá; đối tượng NC: viết lại cô đọng ghi rõ ảnh hưởng công bố TTTNXH đến hiệu quả tài chính; phạm vi nghiên cứu về thời gian: dữ liệu năm 2023; phương pháp nghiên cứu: kỹ thuật xử lý dữ liệu là mô hình PLS-	4.200.000	01 bài báo khoa học được chấp nhận đăng trên Tạp chí Khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội

	trường chứng khoán Việt Nam.		4. Lê Nguyễn Hoài Mỹ Duyên Lớp Kiểm toán K45 5. Trần Thị Thanh Nhân Lớp Kế toán K45D	SEM (sửa lại). Điều chỉnh TMĐT để nội dung NC không trùng lặp với ĐT số 3.		thảo có phản biện.
6.	Nghiên cứu nhân tố ảnh hưởng đến việc áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế của các doanh nghiệp tài chính niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam	TS. Nguyễn Thị Kim Tuyền	<b>1. Tô Thị Quỳnh Trâm Lớp Kế toán K45B</b> 2. Huỳnh Thị Minh Châu Lớp Kế toán K45B 3. Nguyễn Thị Bích Ngọc Lớp Kế toán K45B 4. Bùi Hồ Ngọc Hà Lớp Kế toán K45B 5. Trần Thị Bích Hằng Lớp Kế toán K45B	Sản phẩm: bỏ BCTK. PP nghiên cứu: PP hỗn hợp, không phải chỉ định lượng.	4.200.000	01 bài báo khoa học được chấp nhận đăng trên Tạp chí Khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo có phản biện.
7.	Nghiên cứu ảnh hưởng của cấu trúc sở hữu đến quản trị lợi nhuận của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam	ThS. Nguyễn Văn Trâm	<b>1. Huỳnh Lê Thanh Nhã Lớp Kế toán K45A</b> 2. Lê Thị Ngọc Hà Lớp Kế toán K45A 3. Phạm Hồng Vân Lớp Kế toán K45A 4. Trần Võ Mỹ Duyên Lớp Kế toán K45A 5. Nguyễn Trần Thảo My Lớp Kế toán K45A	Mục tiêu: tổng quát và cụ thể; mục tiêu 1: từ phân tích đến đánh giá, ý cuối: căn cứ thể hơn (đang viết rất chung chung); bổ sung danh mục TLTK vào tính cấp thiết của ĐT; Thời gian thực hiện: 1/10/2024-31/3/2025	4.200.000	01 bài báo khoa học được chấp nhận đăng trên Tạp chí Khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo có phản biện.
8.	Tác động của quản trị công ty đến giá trị doanh nghiệp của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam	TS. Lê Xuân Quỳnh	<b>1. Trần Thị Ánh Tuyết Lớp Kế toán CLC K45</b> 2. Phan Thị Thanh Hào Lớp Kế toán CLC K45 3. Đặng Thanh Hoàng Lớp Kế toán CLC K45	Sửa lại theo góp ý chung	4.200.000	01 bài báo khoa học được chấp nhận đăng trên Tạp chí Khoa học hoặc kỷ yếu

			<p>4. Phạm Hồng Thắm Lớp Kiểm toán K45</p> <p>5. Đặng Thị Hồng Quyên Lớp Kế toán K44</p>			<p>hội nghị, hội thảo có phản biện.</p>
9.	<p>Ảnh hưởng của chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh đến thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài tại các tỉnh thuộc vùng Duyên hải miền Trung</p>	<p>TS. Hoàng Thị Hoài Hương</p>	<p>1. <b>Nguyễn Thị Thái Hà Lớp Kinh tế K44</b></p> <p>2. Lê Thị Thanh Tuyền Lớp Kinh tế K44</p> <p>3. Nguyễn Thị Diễm Hằng Lớp Kinh tế K45</p> <p>4. Nguyễn Thị Ánh Nguyệt Lớp Kinh tế K45</p> <p>5. Ngô Thái Sơn Lớp Kinh tế K46A</p>	<p>Sửa lỗi chính tả; bổ sung danh mục TLTK; mục 9: làm rõ mục tiêu tổng quát và cụ thể; sản phẩm bài báo là TLTK chứ không viết là TLTK. Lý do chọn đề tài: không logic (tuy nhiên, ... chỉ số PCI), một số nhận định mang tính chủ quan, lúng túng, mâu thuẫn. bỏ tiền chỗ viết bài báo KH.</p>	4.200.000	<p>01 bài báo khoa học được chấp nhận đăng trên Tạp chí Khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo có phản biện.</p>
10.	<p>Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến khoản phải thu của khách hàng trong các doanh nghiệp dệt - may niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam</p>	<p>ThS. Trần Thu Vân</p>	<p>1. <b>Nguyễn Thị Bích Xuân Lớp Kế toán K44D</b></p> <p>2. Huỳnh Thị Hồng Châu Lớp Kế toán K44D</p> <p>3. Hồ Thị Mỹ Thảo Lớp Kế toán K44D</p> <p>4. Cao Hiểu Hân Lớp Kế toán K44D</p> <p>5. Lê Ánh Dương Lớp Kiểm toán K45</p>	<p>Tính cấp thiết: viết gọn lại, cô đọng, tránh các nhận định chủ quan; không viết dạng liệt kê; bỏ mục đối tượng khảo sát. Viết lại mục 10: hiểu sai về thời gian NC; bổ sung khả năng ứng dụng.</p>	4.200.000	<p>01 bài báo khoa học được chấp nhận đăng trên Tạp chí Khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo có phản biện.</p>
11.	<p>Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Định</p>	<p>TS. Trần Thị Bích Duyên</p>	<p>1. <b>Nguyễn Song Thân Lớp Kiểm toán K45</b></p> <p>2. Trương Phương Linh Lớp Kiểm toán K45</p> <p>3. Phan Lê Thanh Ngân Lớp Kiểm toán K45</p>	<p>Viết lại đối tượng NC: các nhân tố, các doanh nghiệp, phạm vi không phải đối tượng; nội dung TMĐT: viết gọn từ 1-1,5 trang; thời gian NC: cần nhắc tính khả thi của số liệu năm 2024, chuyển sang 2023.</p>	4.200.000	<p>01 bài báo khoa học được chấp nhận đăng trên Tạp chí Khoa học hoặc kỷ yếu</p>



			4. Lê Kim Phước Lớp Kiểm toán K45 5. Hồ Gia Lượng Lớp Kiểm toán K45			hội nghị, hội thảo có phản biện.
	<b>Khoa Tài chính-Ngân hàng &amp; Quản trị kinh doanh: 11</b>					
12.	Các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi mua hàng ngẫu hứng trên kênh thương mại điện tử của sinh viên trên địa bàn tỉnh Bình Định	ThS. Bùi Thị Ngân	<b>1. Nguyễn Thủy Tiên Lớp QTKD K46B</b> 2. Nguyễn Thị Thuỳ Linh Lớp QTKD K46B 3. Nguyễn Ngọc Sơn Lớp QTKD K46B 4. Trịnh Hoàng Phúc Lớp QTKD K46A 5. Phan Thị Hải Nguyên Lớp QTKD K46A	Xem góp ý chung; TMĐT: sửa lại toàn bộ nội dung TMĐT phù hợp với đối tượng là sinh viên trên địa bàn tỉnh Bình Định; Thống nhất sử dụng thuật ngữ <b>yếu tố</b> và <b>nhân tố</b> , nên sử dụng thuật ngữ: <b>nhân tố</b> ; Tính cấp thiết: cần làm rõ khoảng trống nghiên cứu thông qua tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước; chưa phân tích thực trạng làm bật lên tính cấp thiết. Mục tiêu: cô đọng 2-3 mục tiêu không chia ra mục tiêu tổng quát và cụ thể. Các nội dung còn lại: xem ND TMĐT đính kèm.	2.500.000	
13.	Nghiên cứu tác động của chất lượng dịch vụ giao hàng chặng cuối đến sự hài lòng của khách hàng tại Bình Định khi mua sắm trên các sàn thương mại điện tử	TS. Kiều Thị Hường	<b>1. Lê Nhật Hằng Lớp LSCM K45A</b> 2. Dương Thị Nhớ Lớp LSCM K45A 3. Lê Thị Mỹ Quyên Lớp LSCM K45A 4. Phan Ngọc Vi Lớp QTKD K45A 5. Nguyễn Châu Duyên Lớp LSCM K46B	Chỉnh sửa mục 10, TLTK theo file TMĐT đính kèm.	4.200.000	01 bài báo khoa học được chấp nhận đăng trên Tạp chí Khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo có phản biện.

14.	Các nhân tố ảnh hưởng đến tín dụng xanh tại các ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam	TS. Trịnh Thị Thúy Hồng	<b>1. Huỳnh Thị Hoài Thu Lớp TCDN K44</b> 2. Võ Thị Thanh Diệu Lớp TCDN K45 3. Võ Hồ Thùy Linh Lớp NH&KDTT K44 4. Tạ Hồ Yến Nhi Lớp TCDN K44 5. Huỳnh Thị Tuyết Nhung Lớp NH&KDTT K45	Xem góp ý chung; Các nội dung còn lại: xem ND TMĐT đính kèm.	4.200.000	01 bài báo khoa học được chấp nhận đăng trên Tạp chí Khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo có phản biện.
15.	Tác động của giá trị cảm nhận đến sự hài lòng và ý định quay trở lại của khách du lịch tại điểm đến Bình Định	TS. Lê Dzu Nhật	<b>1. Tổng Minh Kiên Lớp QT Marketing K45</b> 2. Trương Gia Phong Lớp QTDN K45 3. Nguyễn Quang Vinh Lớp Logictics và quản lí chuỗi cung ứng K46B 4. Nguyễn Quốc Huy Lớp Logictics và quản lí chuỗi cung ứng K44A 5. Nguyễn Quốc Huy Lớp Logictics và quản lí chuỗi cung ứng K44B	Xem góp ý chung; Các nội dung còn lại: xem ND TMĐT đính kèm.	4.200.000	01 bài báo khoa học được chấp nhận đăng trên Tạp chí Khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo có phản biện.
16.	Tác động của lưu lượng tìm kiếm trực tuyến đến hiệu quả và ổn định tài chính của các ngân hàng thương mại Việt Nam	TS. Nguyễn Hoàng Phong	<b>1. Võ Quỳnh Yến Vy Lớp QTKDTM K44</b> 2. Lê Hương Trà Lớp Logictics và quản lí chuỗi cung ứng K46A 3. Trần Minh Tú Nhi Lớp Logictics và quản lí chuỗi cung ứng K46B	Xem góp ý chung; Các nội dung còn lại: xem ND TMĐT đính kèm.	4.200.000	01 bài báo khoa học được chấp nhận đăng trên Tạp chí Khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo có phản biện.

			4. Nguyễn Minh Tiến Lớp XTCNH K46B			
17.	Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến ý định mua các thực phẩm hữu cơ của người tiêu dùng tại Bình Định	TS. Nguyễn Hữu Trúc	<b>1. Trương Tuyết Nhi Lớp Logictics &amp; QLCCU K44B</b> 2. Lê Thị Diễm Quỳnh Lớp Logictics & QLCCU K44B 3. Lê Hà Hải Vy Lớp Logictics & QLCCU K44B 4. Nguyễn Thị Hương Giang Lớp Logictics & QLCCU K44B 5. Võ Thị Kim Tuyền Lớp Logictics & QLCCU K44B	Xem góp ý chung; Tính cấp thiết: viết lại làm rõ khoảng trống nghiên cứu; giải thích tại sao chọn Bình Định. Mục tiêu: chỉ giữ lại (3), (4). Các mục còn lại: xem nội dung TMĐT.	4.200.000	01 bài báo khoa học được chấp nhận đăng trên Tạp chí Khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo có phản biện.
18.	Tác động của truyền miệng điện tử đến ý định chọn học Trường Đại học Quy Nhơn: Nghiên cứu trường hợp trên Facebook và Tiktok	TS. Phan Thị Quốc Hương	<b>1. Huỳnh Thị Khánh Nhi Lớp TCDN K44</b> 2. Nguyễn Thị Thúy Tiên Lớp TC-NH K44 3. Lê Thị Ánh Tuyết Lớp TC-NH K44 4. Trần Thị Thắm Lớp QTDN K44 5. Trần Thị Dạ Trúc Lớp QT Marketing K45	Xem góp ý chung; Tính cấp thiết: phân tích đặc thù của không gian nghiên cứu. Mục tiêu: giữ lại ý thứ hai, thứ ba. Cách tiếp cận: <b>trang web</b> thay bằng <b>trang mạng xã hội</b> .	4.200.000	01 bài báo khoa học được chấp nhận đăng trên Tạp chí Khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo có phản biện.
19.	Nghiên cứu về hành vi sử dụng ứng dụng mạng xã hội của GenZ trong việc lựa chọn địa điểm đến du lịch tại Bình Định	ThS. Phạm Ngọc Ánh	<b>1. Nguyễn Xuân An Lớp Logistics &amp; SCM K45B</b> 2. Đỗ Thị Thanh Ngân Lớp Logistics & SCM K45B 3. Nguyễn Thị Kim Chi Lớp Logistics & SCM K46B 4. Lê Việt Cường Lớp Logistics & SCM K45B 5. Phạm Trần Đức Hậu Lớp Logistics & SCM K46A	Xem góp ý chung; Các mục còn lại: xem nội dung TMĐT.	4.200.000	01 bài báo khoa học được chấp nhận đăng trên Tạp chí Khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo có phản biện.

20.	Nghiên cứu rào cản phát triển du lịch nông thôn tỉnh Bình Định	TS. Nguyễn Hà Thanh Thảo	<b>1. Trần Vũ Kim Ngân Lớp Logistic &amp; QTCCU K44B</b> 2. Hà Thị Kim Thoa Lớp Quản trị khách sạn K44C 3. Mai Trường Chinh Lớp Logistic & QTCCU K44A	Xem góp ý chung; Sửa lại mục 8,9,10: theo TMĐT đính kèm	4.200.000	01 bài báo khoa học được chấp nhận đăng trên Tạp chí Khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo có phản biện.
21.	Nghiên cứu sự hài lòng của du khách về hệ thống thông tin logistics du lịch tại tỉnh Bình Định	TS. Đặng Thị Thanh Loan	<b>1. Đỗ Thiện Nhân Lớp Logistics &amp; quản trị chuỗi cung ứng K44B</b> 2. Nguyễn Thị Hoa Sinh Logistics & quản trị chuỗi cung ứng K44B 3. Lê Thị Ngọc Hung Lớp QTKS K45A 4. Đặng Duy Phong Lớp Logistics & quản lý chuỗi cung ứng K46A 5. Nguyễn Thị Thu Thảo Lớp QTDVDL&LH K46B	Xem góp ý chung; tính cấp thiết: bổ sung các nghiên cứu liên quan đến sự hài lòng của du khách; đoạn 4: du lịch Bình Định có sức hút khó cưỡng... hơi sa đà, cần tập trung làm rõ khoảng trống nghiên cứu. mục 9-12: theo TMĐT đính kèm	4.200.000	01 bài báo khoa học được chấp nhận đăng trên Tạp chí Khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo có phản biện.
22.	Tác động của truyền miệng điện tử đến ý định mua xanh của giới trẻ	TS. Nguyễn Chí Tranh	<b>1. Nguyễn Bửu Thanh Nghi Lớp Logistics &amp; Quản trị chuỗi cung ứng K44B</b> 2. Trịnh Thị Thảo Quyên Lớp Quản trị Marketing K44D 3. Thân Nữ Kiều Trâm Lớp Quản trị khách sạn K44C	Xem góp ý chung; tính cấp thiết: viết lại làm rõ khoảng trống nghiên cứu và phù hợp với tên đề tài; các nội dung còn lại: xem TMĐT đính kèm	4.200.000	01 bài báo khoa học được chấp nhận đăng trên Tạp chí Khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo có phản biện.

Khoa Khoa học xã hội & Nhân văn: 06						
23.	Văn hóa đại chúng Hàn Quốc và ảnh hưởng đến học sinh THPT tại thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.	TS. Nguyễn Đức Toàn	<b>1. Cao Ngọc Thịnh</b> Lớp HQH K45 2. Lê Anh Thư Lớp HQH K45 3. Nguyễn Trọng Ngọc Hà Lớp HQH K45 4. Khổng Nguyễn Uyên Nhi Lớp HQH K45 5. Nguyễn Thị Hồng Ánh Lớp HQH K45	Xem góp ý chung; Nội dung chỉnh sửa còn lại: TMĐT đính kèm.	4.200.000	01 bài báo khoa học được chấp nhận đăng trên Tạp chí Khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo có phản biện.
24.	Sức mạnh mềm của văn hóa Hàn Quốc: trường hợp Hallyu tại Việt Nam	TS. Nguyễn Trần Hòa	<b>1. Bùi Nguyễn Hàn Ni</b> Lớp HQH K45 2. Hồ Minh Thuận Lớp HQH K45 3. Cao Ngọc Thanh Trúc Lớp HQH K45 4. Nguyễn Thị Duyên Hòa Lớp HQH K45	Xem góp ý chung; <b>văn hóa Hàn Quốc: trường hợp Hallyu tại Việt Nam</b> thể hiện như thế nào trong tính cấp thiết, mục tiêu, đối tượng và nội dung nghiên cứu. Nội dung chỉnh sửa còn lại: TMĐT đính kèm.	2.500.000	
25.	Hoạt động phòng, chống bạo lực học đường cho học sinh các trường trung học phổ thông tại thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	ThS. Trương Thị Bích Liễu	<b>1. Huỳnh Thị Thu Nhung</b> Lớp QLGD K46 2. Trần Thu Hà Lớp QLGD K46 3. Nguyễn Thị Thanh Hương Lớp QLGD K46	Xem góp ý chung; Sửa lại nội dung TMĐT theo tên ĐT, nội dung đính kèm.	4.200.000	01 bài báo khoa học được chấp nhận đăng trên Tạp chí Khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo có phản biện.

26.	Di sản văn hóa người Hoa ở tỉnh Bình Định: trường hợp thị xã An Nhơn và huyện Tuy Phước)	TS. Võ Minh Hải	1. <b>Trần Võ Anh Thư</b> Lớp VNH K44 2. Nguyễn Thị Trúc Linh Lớp Văn học K46	Xem góp ý chung; Tên ĐT: không viết chữ in; Nội dung chỉnh sửa còn lại: TMĐT đính kèm.	4.200.000	01 bài báo khoa học đăng trên tạp chí có phân biện.
27.	Tác động của facebook đến học tập và hành vi xã hội của sinh viên Trường Đại học Quy Nhơn	TS. Nguyễn Văn Nga	1. <b>Huỳnh Thị Hoàng Xuân</b> Lớp CTXH K45 2. Trương Hồng Ngọc Lớp CTXH K45 3. Lê Kiều Oanh Lớp CTXH K45 4. Nguyễn Thị Yến Ly Lớp CTXH K45 5. Ksor Hồ Lệ Lớp CTXH K45	Xem góp ý chung; Tên ĐT: không viết chữ in; Nội dung chỉnh sửa còn lại: TMĐT đính kèm.	2.500.000	
28.	Giá trị làng nghề làm mía đường ở xã Nghĩa Đông, thành phố Quảng Ngãi định hướng phát triển du lịch	TS. Trần Thị Tú Nhi	1. <b>Nguyễn Bảo Hoàn Nam</b> <b>Lớp VNH K45</b> 2. Nguyễn Xuân Trà Lớp VNH K45 3. Võ Phương Thủy Lớp VNH K45 4. Lê Thị Hiền Lớp VNH K45 5. Bùi Thị Mỹ Lệ Lớp VNH K45	Xem góp ý chung; Viết lại TMĐT phù hợp với tên ĐT đề xuất điều chỉnh.	2.500.000	
<b>Khoa LLCT-Luật &amp; QLNN: 04</b>						
29.	Quản lý nhà nước về bảo tồn và phát huy	ThS. Đào Bích Hạnh	1. <b>Trần Thị Mỹ Dung</b> <b>Lớp QLNN 44</b>	Xem nội dung góp ý chung; loại hình NC: cơ bản. Mục tiêu: viết lại cho phù hợp với tên ĐT. Phạm vi NC: làm rõ tại sao chọn giai đoạn 2022-2024? Nội	4.200.000	01 bài báo khoa học được chấp nhận



	vở cổ truyền trên địa bàn tỉnh Bình Định		2. Huỳnh Ngọc Danh Lớp QLNN 44	dung: nên có sự phối hợp giữa các thành viên khi thực hiện nội dung nghiên cứu.		đăng trên Tạp chí Khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo có phản biện.
30.	Quản lý nhà nước về phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa	ThS. Đào Bích Hạnh	1. Hà Cao Vĩnh Trung Lớp QLNN 45 2. Chăm So Toàn Lớp QLNN 45 3. Nguyễn Thị Mỹ Quyên Lớp QLNN 45	Xem nội dung góp ý chung; tính cấp thiết: viết lại làm bật tại sao cần phải thúc đẩy phát triển du lịch cộng đồng? xem TMĐT đính kèm. Nội dung: viết lại cho phù hợp với tên ĐT.	4.200.000	01 bài báo khoa học được chấp nhận đăng trên Tạp chí Khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo có phản biện.
31.	Nghiên cứu pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân trong môi trường số ở Việt Nam	ThS. Vũ Thị Thúy Hằng	1. Võ Bảo Trân Lớp Luật K45C 2. Đặng Thị Mỹ Duyên Lớp Luật K45B	Xem nội dung góp ý chung; tính cấp thiết: làm rõ thực trạng chỉ ra điểm bất cập - điểm mới cần hoàn thiện. xem TMĐT đính kèm.	2.500.000	
32.	Hoàn thiện pháp luật về chuyển đổi giới tính tại Việt Nam.	ThS. Nguyễn Thị Quỳnh Hoa	1. Phan Thanh Diễm Lớp Luật 44A 2. Nguyễn Hoài Linh Lớp Luật 44A Phạm Thị Diệu Hương Lớp Luật 44A	Làm rõ điểm mới là hoàn thiện pháp luật về chuyển đổi giới tính tại Việt Nam (đã được xuất bản); tính cấp thiết: làm rõ thực trạng chỉ ra điểm bất cập - đề xuất giải pháp phù hợp với phạm vi nghiên cứu. Nội dung: viết lại cho phù hợp mục tiêu; không viết chung chung; nên có sự phối hợp giữa các thành viên khi thực hiện nội dung nghiên cứu.	4.200.000	01 bài báo khoa học được chấp nhận đăng trên Tạp chí Khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo có phản biện.

		<b>Khoa GDTH&amp;MN: 04</b>				
33.	Giáo dục quyền con người qua hoạt động dạy học Tiếng Việt ở tiểu học	ThS. Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	<b>1. Trương Ngọc Dũng Lớp GDTH K45A</b> 2. Nguyễn Hồng Thảo Vi Lớp GDTH K45B 3. Trần Thị Minh Ánh Lớp GDTH K45C	Xem nội dung góp ý chung; Thống nhất sử dụng thuật ngữ: quyền con người hay nhân quyền; Mục 8-12: xem TMĐT	2.500.000	
34.	Phát triển năng lực tư duy cho học sinh lớp 4 thông qua dạy học giải toán có lời văn	ThS. Lê Công Hạnh	<b>1. Hồ Tấn Đành Lớp GDTH K44B</b> 2. Nguyễn Thanh Huyền Lớp GDTH 46A 3. Nguyễn Thị Kim Cúc Lớp GDMN 46A 4. Đoàn Thị Cẩm Hiếu Lớp GDTH 46A 5. Nguyễn Thị Lan Hương Lớp GDTH 45C	Xem nội dung góp ý chung; Mục 8-11: xem TMĐT	2.500.000	
35.	Văn xuôi Vũ Hùng với giáo dục học sinh tiểu học về vấn đề sinh thái	TS. Lê Nhật Ký	<b>1. Nguyễn Trương Tấn Huy Lớp GDTH 45V</b>	Xem góp ý chung; tính cấp thiết: không gawjch đầu dòng. Lưu ý: các tác phẩm văn xuôi Vũ Hùng hiện chưa đưa vào chương trình tiểu học: cần viết lại TMĐT phù hợp với tên đề xuất.	2.500.000	
36.	Vận dụng phương pháp dạy học hợp tác trong giảng dạy một số bài toán xác suất thống kê toán lớp 4	PGS.TS. Phan Thanh Nam	<b>1. Trương Diễm Hằng Lớp GDTH 46A</b> 2. Nguyễn Thị Hương Giang Lớp GDTH 46A 3. Tống Thị Thùy Hương Lớp GDTH 46A 4. Đoàn Anh Thư Lớp GDTH 46A	Xem nội dung góp ý chung; tính cấp thiết: làm rõ thực trạng và lý do chọn đề tài; viết lại mục tiêu; viết lại nội dung: phù hợp với tên và mục tiêu đề tài.	2.500.000	

		<b>Khoa Ngoại ngữ: 11</b>				
37.	Những khó khăn và giải pháp nâng cao kỹ năng Nghe hiểu của sinh viên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc, Trường Đại học Quy Nhơn	ThS. Hồ Phương Tâm	<b>1. Nguyễn Mạnh Đình</b> Lớp Ngôn ngữ Trung Quốc K45 <b>2. Nguyễn Thị Lệ Yên</b> Lớp Ngôn ngữ Trung Quốc K45 <b>3. Nguyễn Thị Trân Châu</b> Lớp Ngôn ngữ Trung Quốc K45	Xem nội dung phần góp ý chung; “ <i>tóm lại, ...</i> ”: trùng ý; mục tiêu NC: viết lại cho phù hợp với tên ĐT; đối tượng NC: viết lại cho rõ; phạm vi NC: tập trung vào phương pháp định lượng và định tính; phương pháp NC: sử dụng 02 PP và bảng hỏi và phỏng vấn.	2.500.000	
38.	Khảo sát nhu cầu học tiếng Trung của sinh viên không chuyên ngữ trường Đại học Quy Nhơn và một số đề xuất	ThS. Hồ Phương Tâm	<b>1. Võ Thị Vi Hiếu</b> Lớp Ngôn ngữ Trung Quốc K45 <b>2. Nguyễn Thái Duy</b> Lớp Ngôn ngữ Trung Quốc K45	Xem nội dung phần góp ý chung; mục tiêu NC: viết lại; phạm vi NC: tập trung vào phương pháp định lượng và định tính; phương pháp NC: sử dụng 02 PP và bảng hỏi và phỏng vấn.	4.200.000	01 bài báo khoa học được chấp nhận đăng trên Tạp chí Khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo có phản biện.
39.	Khảo sát và phân tích lỗi dùng lượng từ trong tiếng Trung của sinh viên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc tại Trường Đại học Quy Nhơn	ThS. Nguyễn Thị Thắm	<b>1. Trần Thị Thu Hà</b> Lớp Ngôn ngữ Trung Quốc K44A <b>2. Phạm Lê Thanh Mai</b> Lớp Ngôn ngữ Trung Quốc K44A <b>3. Nguyễn Thị Tường Vi</b> Lớp Ngôn ngữ Trung Quốc K44A	Xem nội dung phần góp ý chung; Lĩnh vực NC: KHXH	2.500.000	
40.	Thực trạng và giải pháp phát triển kỹ năng nói tiếng Trung của sinh viên Ngôn ngữ Trung Quốc tại	ThS. Nguyễn Thị Thắm	<b>1. Nguyễn Thị Hiền Trinh</b> Lớp Ngôn Ngữ Trung Quốc K44C <b>2. Cao Thị Mai Linh</b> Lớp Ngôn Ngữ Trung Quốc K44C	Xem nội dung phần góp ý chung.	2.500.000	

	Trường Đại học Quy Nhơn		3. Trần Nguyên Ngọc Lớp Ngôn Ngữ Trung Quốc K44C			
41.	Self-study in English Writing Skills by Quy Nhơn University's English-majors	TS. Lê Nhân Thành	1. <b>Nguyễn Trần Ý Nhi</b> Lớp Ngôn ngữ Anh K45B. 2. Nguyễn Trần Yến Nhi Lớp Ngôn ngữ Anh K45B	Xem nội dung phần góp ý chung; tính cấp thiết: bám sát vào đối tượng SV; mục tiêu: viết lại phù hợp với cách tiếp cận; đối tượng: nếu xem xét 2 đối tượng NC thì nội dung NC phải có dự đối sánh.	4.200.000	01 bài báo khoa học được chấp nhận đăng trên Tạp chí Khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo có phản biện.
42.	A study on common grammatical errors in letters written by second year english language students at Quy Nhơn University	ThS. Lê Hà Cẩm Tiên	1. <b>Nguyễn Bảo</b> Lớp Ngôn ngữ Anh K45D 2. Nguyễn Huỳnh Gia Phúc Lớp Ngôn ngữ Anh K45D 3. Trương Lương Tiểu My Lớp Ngôn ngữ Anh K45D 4. Nay Biên Lớp Ngôn ngữ Anh K45D	Xem nội dung phần góp ý chung.	4.200.000	01 bài báo khoa học được chấp nhận đăng trên Tạp chí Khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo có phản biện.
43.	A study on paraphrasing techniques and errors in academic essay introductions by third-year english majors at Quy Nhơn University	ThS. Lê Hà Cẩm Tiên	1. <b>Nguyễn Châu Cẩm Tú</b> Lớp Ngôn ngữ Anh K45F 2. Võ Phan Kỳ Vỹ Lớp Ngôn ngữ Anh K45F	Xem nội dung phần góp ý chung.	4.200.000	01 bài báo khoa học được chấp nhận đăng trên Tạp chí Khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo có phản biện.

	Potter and the Chamber of Secrets”					hoặc kỹ yếu hội nghị, hội thảo có phần biện.
45.	An investigation into self-directed learning of English listening skills among English-majored students at Quy Nhon University	ThS. Bùi Thị Hương Giang	<b>1. Thái Thị Mỹ Duyên</b> Lớp Ngôn ngữ Anh K45A <b>2. Lê Quốc Lâm</b> Lớp Ngôn ngữ Anh K45C <b>3. Huỳnh Nhật Bảo</b> Lớp Ngôn ngữ Anh K45C	Xem nội dung phần góp ý chung. Đối tượng NC: bổ sung số lượng SV.	2.500.000	
46.	QNU second-year English majors’ perceptions of learner autonomy in English learning (Nhận thức về tính tự chủ của người học trong việc học tiếng Anh của sinh viên năm hai ngành Ngôn ngữ Anh, trường Đại học Quy Nhon)	ThS. Huỳnh Thị Hồng Hoa	<b>1. Nguyễn Thị Yên Vy</b> Lớp Ngôn ngữ Anh K44G <b>2. Trần Thị Vệ Thiên</b> Lớp Ngôn ngữ Anh K44G <b>3. Huỳnh Ngọc Bảo Ngân</b> Lớp Ngôn ngữ Anh K44B	Xem nội dung phần góp ý chung. Viết lại mục tiêu NC.	2.500.000	
47.	Nghiên cứu điều tra các yếu tố gây mất động lực học tiếng Anh ở sinh viên năm cuối chuyên ngành Ngôn ngữ Anh tại trường Đại học Quy Nhon (Demotivating Factors in Learning	ThS. Trần Ngọc Tuyền	<b>1. Võ Thị Minh Ngọc</b> Lớp Ngôn ngữ Anh K46C	Xem nội dung phần góp ý chung. Cân nhắc sửa lại tên ĐT theo hướng NC.	2.500.000	



	English Among English-Majored Seniors at Quy Nhon University)					
	<b>Khoa Toán &amp; Thống kê: 03</b>					
48.	Nghiên cứu và ứng dụng mô hình học máy để đánh giá rủi ro tài chính đối với một số doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam	TS. Cao Tấn Bình	<b>1. Hà Thanh Bắc Lớp Toán ứng dụng K44</b> 2. Nguyễn Lê Hữu Đăng Lớp Toán ứng dụng K44 3. Nguyễn Hồ Bảo Thiên Lớp Toán ứng dụng K44 4. Nguyễn Ngọc Việt Ý Lớp Toán ứng dụng K44	Mục tiêu + trích dẫn TLTK viết gọn, cô đọng hơn; sản phẩm: bỏ BCTK, khả năng ứng dụng: viết lại cụ thể theo sản phẩm	4.200.000	01 bài báo khoa học được chấp nhận đăng trên Tạp chí Khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo có phản biện.
49.	Áp dụng phương pháp chéo hóa tương đẳng đồng thời hai ma trận để giải bài toán Tách mù tín hiệu	TS. Lê Thanh Hiếu	<b>1. Nguyễn Quang Nghĩa Lớp Khoa học dữ liệu K45</b> 2. Trần Võ Anh Tuấn Lớp Khoa học dữ liệu K45 3. Đỗ Nguyễn Thành Nhân Lớp Khoa học dữ liệu K45 4. Nguyễn Thành Lợi Lớp Khoa học dữ liệu K45	Xem góp ý chung; Nội dung chỉnh sửa còn lại: TMĐT đính kèm.	3.000.000	01 bản thảo bài báo.



50.	Xây dựng ứng dụng hỗ trợ sinh viên học tập môn Toán Giải tích bằng Trí tuệ nhân tạo tạo sinh	TS. Mai Thành Tấn	<b>1. Trà Trần Quý Bình Lớp Toán ứng dụng K44</b> 2. Nguyễn Quang Dũng Lớp Toán ứng dụng K45 3. Nguyễn Anh Tuấn Lớp Toán ứng dụng K44 4. Nguyễn Quang Sang Lớp Toán ứng dụng K45 5. Lê Thị Phụng Lớp Khoa học dữ liệu K46	Xem nội dung góp ý chung; viết nổi bật hơn tính cấp thiết của đề tài; mục tiêu: viết ngắn gọn hơn. Mục 11: sửa lại đúng mẫu quy định.	3.700.000	Ứng dụng web/app hỗ trợ giảng dạy, học tập.
<b>Khoa học Tự nhiên: 11</b>						
51.	Nghiên cứu chế biến trà thảo mộc lá dứa	ThS. Nguyễn Thụy Ngọc Trâm	<b>1. Phạm Bùi Nhật Triều Lớp CNTP 46A</b> 2. Huỳnh Thị Mỹ Linh Lớp CNTP 46A 3. Nguyễn Thị Như Ý Lớp CNTP 46A 4. Phạm Thị Thanh Trà Lớp CNTP 46B	Làm nổi bật hơn tính cấp thiết của ĐT; TLTK: trích dẫn vào vị trí cụ thể; mục 9: viết lại mục tiêu theo hướng đạt được những kết quả cụ thể gì?	3.000.000	01 bản thảo bài báo
52.	Thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả công tác chuyên mục đích sử dụng đất trên địa bàn huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định	TS. Trương Quang Hiến	<b>1. Nguyễn Hương Quỳnh Lớp QLDD K45</b> 2. Phan Thanh Nhơn Lớp QLDD K45 3. Nguyễn Thị Tố Viên Lớp QLDD K45	Tính cấp thiết: bổ sung trích dẫn TLTK; viết gọn lại mục tiêu; đánh giá thực trạng và đề xuất sản phẩm: phạm vi nghiên cứu: đề xuất 2013-2023; khả năng ứng dụng: viết lại theo hướng ứng dụng kết quả nghiên cứu của ĐT.	4.200.000	01 bài báo khoa học được chấp nhận đăng trên kỷ yếu Hội nghị/ hội thảo/ Tạp chí khoa học có phản biện.
53.	Nghiên cứu tổng hợp và biến tính vật liệu	TS. Lê Thị Thanh Liễu	<b>1. Huỳnh An Khang Lớp CNKTHH K46</b>	Sản phẩm: 01 bài báo khoa học được chấp nhận đăng trên kỷ yếu Hội nghị/hội thảo/Tạp chí khoa	4.200.000	01 bài báo khoa học được

	$Ni_x[Fe(CN)_6]_y$ ứng dụng làm chất xúc tác điện hóa		2. Phạm Thùy Trâm Lớp CNKTHH K46 3. Lê Hồ Nhật Tài Lớp CNKTHH K46 4. Trần Thu Trang Lớp CNKTHH K46 5. Trần Thị Diệu Lớp CNKTHH K46	học có phản biện; điện lực làm việc trên đế ITO/Ni Soam.		chấp nhận đăng trên kỷ yếu Hội nghị/ hội thảo/ Tạp chí khoa học có phản biện.
54.	Nghiên cứu hoạt tính kháng khuẩn của màng cellulose acetate/ alginate kết hợp tinh dầu oregano	TS. Đặng Thị Tố Nữ	1. <b>Phạm Thị Ánh Hoa Lớp CNTP K46A</b> 2. Trần Thị Thanh Trúc Lớp CNTP K44 3. Cũng Thị Ngọc Ý Lớp CNTP K46A 4. Huỳnh Thị Mỹ Thơ Lớp CNTP K45B	Bổ sung vào tính cấp thiết: bảo quản quả nho xanh; thuyết minh quá trình hô hấp của quả nho; viết lại cho phù hợp với tên đề tài; <i>phương pháp NC</i> : bổ sung khả năng kháng khuẩn và kháng nấm đối với nho; <b>bỏ dòng cuối.</b>	4.200.000	01 bài báo khoa học được chấp nhận đăng trên kỷ yếu Hội nghị /hội thảo /Tạp chí khoa học có phản biện.
55.	Nghiên cứu ứng dụng inulin trong chế biến sữa chua ít béo	TS. Lê Duy Thanh	1. <b>Lê Thị Mỹ Lớp CNTP K44</b> 2. Phạm Thị Ánh Nguyệt Lớp CNTP K44 3. Phạm Thị Tuyết Nhi Lớp CNTP K44 4. Nguyễn Khánh Vân Lớp CNTP K45A 5. Đỗ Huyền Trân Lớp CNTP K45B	Làm rõ sữa chua ít béo khác gì sữa chua thường; mua thương mại hay tự chế tạo, trình bày trong phạm vi nghiên cứu; viết lại khả năng ứng dụng.	4.200.000	01 bài báo khoa học được chấp nhận đăng trên kỷ yếu Hội nghị/ hội thảo /Tạp chí khoa học có phản biện.
56.	Nghiên cứu khảo sát một số thông số kỹ thuật của quá trình sấy khoai lang tím	TS. Đinh Quốc Việt	1. <b>Phạm Thị Mị Lớp CNTP K44</b> 2. Trần Thị Ngân Lớp CNTP K44 3. Huỳnh Thảo Ly Lớp CNTP K44	Xem lại mục đích nghiên cứu có đánh giá được không? Viết lại mục tiêu: đạt được gì? Đối tượng NC: loại củ lang nào? Làm rõ tính mới và kỹ thuật sử dụng.	3.000.000	01 bản thảo bài báo.

			<ol style="list-style-type: none"> <li>4. Lý Thị Hiền Trang Lớp CNTP K44</li> <li>5. Phan Phạm Hiệp Lớp CNTP K44</li> </ol>			
57.	Nghiên cứu một số kỹ thuật làm sạch dầu nhờn bôi trơn qua sử dụng để sản xuất mỡ bôi trơn	TS. Đinh Quốc Việt	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. <b>Nguyễn Văn Dân Lớp CNKTHH K45</b></li> <li>2. Văn Đức Anh Tuấn Lớp CNKTHH K45</li> <li>3. Trương Nhật Lệ Phương Lớp CNKTHH K45</li> <li>4. Trương Hồng Chiến Lớp CNKTHH K45</li> <li>5. Đào Nguyễn Trung Hiếu Lớp CNKTHH K45</li> </ol>	Làm rõ mục tiêu và sản phẩm ĐT; tính cấp thiết: bổ sung trích dẫn TLTK.	3.000.000	01 bản thảo bài báo.
58.	Khảo sát ảnh hưởng của nhiệt độ thấp đến sự thay đổi chất lượng hóa lý và cảm quan của quả bơ Booth theo thời gian bảo quản	ThS. Võ Mạnh Tiến	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. <b>Huỳnh Thị Thúy Loan Lớp NTP K44</b></li> <li>2. Trương Ngọc Dũng Lớp CNTP K44</li> <li>3. Phạm Thị Bích Chiến Lớp CNTP K44</li> <li>4. Triệu Đình Thành Lớp CNTP K44</li> </ol>	Xem lại mẫu TMĐT, font chữ là 14 với tiêu đề TMĐT; bổ sung trích dẫn TLTK; mục tiêu, đối tượng: <b>xem trong TMĐT</b> ; khả năng ứng dụng: không đúng	3.000.000	01 bản thảo bài báo.
59.	Khảo sát ảnh hưởng của nhiệt độ thấp đến sự thay đổi chất lượng hóa sinh của quả bơ Booth theo thời gian bảo quản	ThS. Võ Mạnh Tiến	<ol style="list-style-type: none"> <li>2. <b>Tô Thị Bưởi Lớp CNTP K44</b></li> <li>3. Đinh Thị Mỹ Thúy Lớp CNTP K44</li> <li>4. Nông Thị Tuyết Hồng Lớp CNTP K44</li> <li>5. Võ Thị Thảo Lớp CNTP K44</li> </ol>	Xem lại mẫu TMĐT, font chữ là 14 với tiêu đề TMĐT. Đối tượng NC là quả bơ.	3.000.000	01 bản thảo bài báo.

60.	Kết hợp nuôi giun đất làm thức ăn cho cá vàng đuôi quạt trong quá trình sản xuất giống	TS. Võ Văn Chí	<ol style="list-style-type: none"> <li><b>Võ Hoài Nam Lớp NH K46</b></li> <li>Đỗ Minh Tú Lớp NH K46</li> <li>Trần Hữu Hòa Lớp NHK45</li> <li>Ngô Vương Minh Lớp NHK44</li> <li>Nguyễn Thái Thiện Lớp NHK44</li> </ol>	Tính cấp thiết: phải thể hiện rõ tại sao chỉ dùng trong giai đoạn sinh sản; mục tiêu: đánh giá ảnh hưởng của giun đất đến hiệu quả sinh sản của cá vàng đuôi quạt.	3.000.000	01 bản thảo bài báo.
61.	Nghiên cứu quy trình làm bánh su kem nhân chuối quy mô phòng thí nghiệm	TS. Trương Thanh Tâm	<ol style="list-style-type: none"> <li><b>Võ Thị Thanh Giang Lớp CNTP K44</b></li> <li>Đào Lệ Chi Lớp CNTP K44</li> <li>Phạm Trọng Đài Lớp CNTP K44</li> <li>Võ Thị Lan Anh Lớp CNTP K45</li> <li>Lý Ngọc Khánh Chi Lớp CNTP K45</li> </ol>	Viết lại làm nổi bật tính cấp thiết của ĐT; phương pháp nghiên cứu: cảm quan, hàm lượng đường, hàm lượng chất béo; nội dung NC: đánh giá tỷ lệ-tăng hàm lượng KH; lấy hàm lượng đường, chất béo là mục tiêu, giảm chất béo và đường. nội dung khác: xem trong TMĐT	3.000.000	01 bản thảo bài báo.
<b>Khoa Kỹ thuật &amp; Công nghệ: 11</b>						
62.	Xây dựng các kịch bản thí nghiệm đáp ứng động đối với hệ thống điện gió DFIG	PGS.TS. Ngô Minh Khoa	<ol style="list-style-type: none"> <li><b>Ngô Minh Vương Lớp KTĐ K45A</b></li> <li>Huỳnh Trọng Thường Lớp KTĐ K45A</li> <li>Nguyễn Công Hiếu Lớp KTĐ K45A</li> </ol>	Mục tiêu: xây dựng kịch bản đáp ứng động, bổ sung mục đích làm gì ; đối tượng và phạm vi nghiên cứu: bổ sung cơ sở dữ liệu đo lường thực tế. Bổ sung bản thảo bài báo.	3.000.000	01 bản thảo bài báo.
63.	Nghiên cứu phương thức bảo vệ quá dòng có hướng thích nghi	PGS.TS. Ngô Minh Khoa	<ol style="list-style-type: none"> <li><b>Huỳnh Văn Trọng Lớp KTĐ K44A</b></li> <li>Võ Hoàng Long Lớp KTĐ K44A</li> </ol>	Loại hình nghiên cứu: ứng dụng; làm rõ nội hàm như thế nào là lưới điện phức tạp, có gì khác so với lưới điện thông thường. Bổ sung bản thảo bài báo.	3.000.000	01 bản thảo bài báo.

	trên hệ thống điện phức tạp		3. Phạm Thị Nhã Hân Lớp KTĐ K44B			
64.	Nghiên cứu thiết kế hệ thống điện năng lượng mặt trời cung cấp vận hành đập ngăn mặn	TS. Đỗ Văn Cần	1. <b>Nguyễn Quý Đô Lớp KTĐ K44</b> 2. Nguyễn Việt Pháp Lớp KTĐ K44	Viết lại mục 10: rõ ràng, logic hơn; mục 12: mô hình mô phỏng; khả năng ứng dụng: là TLTK cho đối tượng nào?	3.700.000	Mô hình mô phỏng hệ thống vận hành đập ngăn mặn bằng nguồn năng lượng mặt trời.
65.	Nghiên cứu ứng dụng IoT công nghiệp, mô hình hệ thống IoT quy mô PTN xây dựng mô hình vận hành đập thủy lợi	TS. Đỗ Văn Cần	1. <b>Nguyễn Minh Thương Lớp KTĐ K44</b> 2. Đào Trần Tấn Tài KTĐ K44 3. Nguyễn Gia Bảo Lớp KTĐ K44	Làm rõ tính cấp thiết của ĐT; khu trú lại phạm vi và đối tượng NC; Sản phẩm: Kết quả NC là TLTK thuộc lĩnh vực? Viết cụ thể đối tượng nghiên cứu, phạm vi nghiên cứu là gì?	3.700.000	Mô hình thực nghiệm hệ thống IoT tại phòng thí nghiệm.
66.	Thiết kế kết cấu khung bê tông cốt thép tiêu chuẩn TCVN 5574:2018 bằng phần mềm SAP2000 và ETABS	ThS. Phạm Thị Lan	1. <b>Nguyễn Lâm Vũ Lớp KTXD. K45B</b> 2. Trần Ngọc Vũ Lớp KTXD. K45B	Loại hình NC: cơ bản; tính cấp thiết: bổ sung trích dẫn TLTK; mục tiêu: thiết kế thành công...; sản phẩm về khả năng ứng dụng: TMĐT đính kèm	2.500.000	
67.	Nghiên cứu phân phối nội lực trong bản sàn bê tông cốt thép toàn khối bằng phương pháp tính toán	ThS. Phạm Thị Lan	1. <b>Trần Văn Vũ Lớp KTXD K45B</b> 2. Võ Công Trí Lớp KTXD. K45B	Tính cấp thiết: bổ sung trích dẫn TLTK; mục tiêu: dùng danh từ thay vì động từ	2.500.000	
68.	Nghiên cứu xây dựng hệ thống điều khiển phát triển Robot, ứng	ThS. Phan Gia Trí	1. <b>Trần Lê Minh Trường Lớp KTĐK &amp;TĐH K44</b>	Sửa lại mục tiêu, sản phẩm phù hợp; tính cấp thiết: bổ sung trích dẫn TLTK.	3.700.000	Robot tự hành vận chuyển thuốc và bệnh

	dụng vận chuyên thuốc và bệnh phẩm trong bệnh viện		2. Lâm Chuẩn Lớp KTĐK&TĐH K44 3. Lương Văn Thành Lớp KTĐK&TĐH K44 4. Bùi Quốc Cường Lớp KTĐK&TĐH K44			phẩm có khả năng vận chuyển theo yêu cầu hoặc lộ trình cài đặt trước.
69.	Nghiên cứu ảnh hưởng của hàm lượng sợi tóc đến tính chất của bê tông xi măng	ThS. Trần Bá Cảnh	<b>1. Trần Minh Sang Lớp KTXD K44B</b> 2. Đoàn Quang Tình Lớp KTXD K44B 3. Võ Thị Cẩm Tiên Lớp KTXD K44B 4. Nguyễn Ngọc Hải Lớp KTXD K44B	Tính cấp thiết: bổ sung trích dẫn TLTK; Mục 11: TMĐT đính kèm	2.500.000	
70.	Nghiên cứu, thiết kế hệ thống điểm danh, ứng dụng trên xe buýt đưa đón học sinh tiểu học	ThS. Trần Xuân Khoa	<b>1. Đào Thanh Đức Lớp KTĐK&amp;TĐH K44</b> 2. Nguyễn Phạm Quốc Thắng Lớp KTĐK&TĐH K44 3. Lê Thành Duy Lớp KTĐK&TĐH K44	Tính cấp thiết: không trích dẫn TLTK là trang web; viết lại mục tiêu NC: Phát triển ... đảm bảo an toàn đưa đón học sinh tiểu học.	3.700.000	Mô hình hệ thống điểm danh học sinh tiểu học trên xe buýt đưa đón.
71.	Nghiên cứu ứng dụng công nghệ xử lý ảnh đọc thông số đồng hồ analog	ThS. Phan Gia Trí	<b>1. Lê Đình Minh Lớp KTĐK&amp;TĐH K44</b> 2. Nguyễn Chí Trung Lớp KTĐK&TĐH K44 3. Nguyễn Xuân Lộc Lớp KTĐK&TĐH K44	Tính cấp thiết: bổ sung trích dẫn TLTK; viết gọn phần sản phẩm và khả năng ứng dụng.	3.700.000	Hệ thống nhúng sử dụng thị giác máy tính hoàn chỉnh bao gồm phần cứng và phần mềm, có khả năng đọc dữ liệu từ các



						đồng hồ analog.
72.	Nghiên cứu các phương pháp xử lý nền đất yếu cho khu dân cư Lò Vôi, phường 1, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	ThS. Nguyễn Thị Khánh Ngân	<b>1. Trần Phan Tấn Tài Lớp KTXD K44B</b> 2. Huỳnh Long Nhật Lớp KTXD K44B 3. Nguyễn Tấn Dũng Lớp KTXD K44B	Viết lại mục tiêu phù hợp với nội dung NC; khả năng ứng dụng: kết quả NC là TLTK cho đối tượng nào?	2.500.000	
<b>Khoa Công nghệ thông tin: 04</b>						
73.	Xây dựng ứng dụng tìm kiếm theo ngữ nghĩa cho các quy định liên quan đến sinh viên của Trường Đại học Quy Nhơn	TS. Trần Thiên Thành	<b>1. Đỗ Thành Hậu Lớp CNTT K44A</b> 2. Lê Ngọc Quý Lớp CNTT K44A 3. Nguyễn Đông Dương Lớp KTPM K45 4. Nguyễn Thiên Phú Lớp CNTT K45A	Xem nội dung góp ý chung; làm rõ lý do chọn đề tài? Đạt được kết quả gì? Mục tiêu ĐT: cần cụ thể hơn, thể hiện thông số kỹ thuật mong muốn đạt được?  Sản phẩm: ứng dụng trên nền web thử nghiệm; TLTK cho sinh viên ngành...? Môn học...? <i>Đề xuất tham khảo</i> : 01 bản thảo bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí hay hội nghị, hội thảo có phản biện.	3.700.000	01 ứng dụng trên nền web dạng thử nghiệm Quy Nhơn.
74.	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong chú thích ảnh đối với biển số xe	TS. Hồ Văn Lâm	<b>1. Phạm Quốc Cường Lớp CNTT K44A</b> 2. Trần Duy Tấn Lớp CNTT K45B 3. Nguyễn Minh Khang Lớp CNTT K45B	Xem nội dung góp ý chung; Mục tiêu HĐ đề xuất: xây dựng thành công mô hình học sâu gắn chú thích đối với biển số xe bằng thuật toán YOLOx10. Mục 10,11: chỉnh sửa phù hợp với tên và mục tiêu ĐT; khả năng ứng dụng: là TLTK đối với SV ngành...; chữ ký cuối TMĐT: chỉ SV chịu trách nhiệm chính ký tên.	3.700.000	Mô hình học sâu quản lý bãi giữ xe thông minh.
75.	Nghiên cứu ứng dụng công nghệ số trong	TS. Nguyễn Thanh Bình	<b>1. Lê Xuân Trường Lớp KTPM K44</b>	Xem nội dung góp ý chung; tính cấp thiết: làm rõ lý do chọn ĐT; mục tiêu ĐT: viết gọn lại; sản phẩm và	3.700.000	Một hệ thống ứng dụng hỗ trợ quản lý

	quản lý chuỗi nhà hàng		<p>2. Cao Thanh Vương Lớp KTPM K44</p> <p>3. Lê Nhật Minh Quân Lớp KTPM K44</p> <p>4. Thái Quang Tình Lớp KTPM K44</p> <p>5. Tạ Phạm Công Lớp KTPM K44</p>	khả năng ứng dụng: viết gọn lại, là TLTK cho SV; ứng dụng cho nhà hàng, doanh nghiệp.		dành cho các nhà hàng.
76.	Xây dựng website dạy và học lập trình trực tuyến	ThS. Trần Thị Liên	<p><b>1. Dương Thanh Lịch Lớp CNTT K44B</b></p> <p>2. Huỳnh Long Nhật Lớp CNTT K44B</p> <p>3. Phạm Minh Quang Lớp CNTT K44B</p> <p>4. Đoàn Võ Nguyên Lớp CNTT K44B</p> <p>5. Huỳnh Văn Giảng Lớp CNTT K44B</p>	Xem nội dung góp ý chung; Mục tiêu: Xây dựng website dạy và học lập trình trực tuyến; trên cơ sở tên, mục tiêu đề tài, đề nghị điều chỉnh đối tượng, phạm vi, phương pháp nghiên cứu phù hợp. sản phẩm và khả năng ứng dụng: viết gọn lại, chỉ để lại sản phẩm 1, website. Khả năng ứng dụng: TLTK cho Sv và các đối tượng liên quan.	3.700.000	01 website dạy và học lập trình.
<b>Bộ môn Kỹ thuật ô tô: 05</b>						
77.	Nghiên cứu thiết kế xe ô tô điện cỡ nhỏ theo hướng nhận diện thương hiệu của Trường Đại học Quy Nhơn	TS. Nguyễn Văn Anh	<p><b>1. Phạm Xuân Sơn CNKTOT K45A</b></p> <p>2. Đỗ Thị Hoàng Phúc CNKTOT K45A</p> <p>3. Nguyễn Quỳnh Mẫn Em CNKTOT K45A</p> <p>4. Huỳnh Mai Phan Cát CNKTOT K45A</p>	Xem nội dung góp ý chung; Tính cấp thiết: sử dụng bộ nhận diện nào? Tại sao chọn hướng nghiên cứu như vậy? Mục tiêu: thiết kế thành công một bộ bản vẽ 2D và 3D ô tô điện cỡ nhỏ chờ khách theo hướng nhận diện thương hiệu của Trường Đại học Quy Nhơn. Mục 10,11: viết lại theo tên, mục tiêu ĐT; khả năng ứng dụng: phục vụ giảng dạy môn học gì?	3.700.000	Bộ bản vẽ 2D và 3D xe ô tô điện cỡ nhỏ theo bộ nhận diện thương hiệu của Trường Đại học Quy Nhơn.

78.	Nghiên cứu giảm thương vong trên ô tô khách giường nằm khi xảy ra va chạm trực diện	TS. Nguyễn Thành Tâm	<b>1. Huỳnh Thanh Tường CNKTOT K44A</b> <b>2. Nguyễn Hữu Sĩ CNKTOT K44C</b>	Xem nội dung góp ý chung; <b>Tính cấp thiết đề nghị viết theo đề xuất sau đây:</b> Tình hình trước đây như thế nào? Thông số kỹ thuật như thế nào gây ra tỷ lệ thương vong như vậy? đề phương án cải tiến kết cấu đầu xe và hệ thống an toàn phù hợp để hạn chế mức độ thương vong cho hành khách trên ô tô giường nằm; Mục 9,10,11: sửa lại theo tên, tính cấp thiết. Sản phẩm: đề xuất với doanh nghiệp sản xuất và lắp ráp ô tô khách...	2.500.000	
79.	Nghiên cứu thiết kế chế tạo mô hình xe mini tự hành theo định vị và đèn tín hiệu giao thông	ThS. Nguyễn Quốc Hoàng	<b>1. Ngô Xuân Thương CNKTOT K44C</b> <b>2. Trần Quốc Thiện CNKTOT K44C</b> <b>3. Lê Quốc Bảo CNKTOT K44B</b> <b>4. Phan Quốc Tuấn CNKTOT K44C</b>	Xem nội dung góp ý chung; <i>Tính cấp thiết đề nghị viết theo đề xuất sau đây:</i> tập trung vào các nghiên cứu liên quan mô hình xe mini tự hành đã công bố trong và ngoài nước; lý do chọn thiết kế mô hình này? <i>Mục tiêu:</i> Thiết kế thành công một mô hình xe mini tự hành theo định vị và tín hiệu đèn giao thông. Sản phẩm: mô hình xe mini tự hành, Robot tự hành. Khả năng ứng dụng: cho đối tượng nào: phục vụ giảng dạy SV môn học nào?	3.700.000	01 mô hình xe mini tự hành theo vị trí định vị và đèn tín hiệu giao thông.
80.	Nghiên cứu thiết kế chế tạo hệ thống động lực trên ô tô Hybrid mini QNU 50	TS. Nguyễn Văn Đông	<b>1. Trần Nhật Đệ CNKTOT K44C</b> <b>2. Đoàn Ngọc Đại CNKTOT K44C</b> <b>3. Ngô Quang Khải CNKTOT K44C</b> <b>4. Lê Văn Trịnh CNKTOT K44C</b> <b>5. Trần Duy Khang CNKTOT K44C</b>	Xem nội dung góp ý chung; mục tiêu: chế tạo động cơ có 2 nguồn động lực: làm rõ mục tiêu nghiên cứu 2 đề tài 80 và 81 khác nhau như thế nào? Nội dung nghiên cứu: liệt kê các bước thực hiện. Sản phẩm: Mô hình hệ thống động lực ô tô Hybrid cỡ nhỏ sử dụng 02 nguồn động lực; khả năng ứng dụng: ...	3.700.000	Mẫu ô tô Hybrid cỡ nhỏ sử dụng 2 nguồn động lực.

81.	Nghiên cứu thiết kế chế tạo khung vỏ ô tô Hybrid mini QNU 50	TS. Nguyễn Văn Đông	<b>1. Nguyễn Phạm Đình Lâm Nhật CNKTOT K44A</b> 2. Nguyễn Văn Linh CNKTOT K44A 3. Hồ Văn Lợi CNKTOT K44A 4. Đặng Quang Vinh CNKTOT K44A 5. Lê Quang Đạt CNKTOT K44A	Xem nội dung góp ý chung; tính cấp thiết: làm rõ tại sao dùng khung, vỏ này? Tính năng của nó? Lý do chọn hướng nghiên cứu này? Nêu bật điểm mới của đề tài, cá hướng nghiên cứu hiện nay. Viết lại phạm vi NC và cách tiếp cận: tránh nhầm lẫn 2 mục này.	3.700.000	Mẫu khung vỏ ô tô Hybrid cỡ nhỏ.
<b>Khoa Sư phạm: 33</b>						
82.	Khối phổ của một họ 2 hoặc 3 ma trận và ứng dụng	TS. Lê Thanh Hiếu	<b>1. Nguyễn Huy Hoàng Lớp SP Toán học K45</b> 2. Nguyễn Thành Hậu Lớp SP Toán học K46 3. Nguyễn Thị Quy Trang Lớp SP Toán học K45 4. Phạm Thị Thùy Trang Lớp SP Toán học K45	Xem góp ý chung; Nội dung chỉnh sửa còn lại: TMĐT đính kèm.	3.000.000	01 bản thảo bài báo.
83.	Sử dụng phần mềm Geogebra để thiết kế một số hoạt động dạy học trong chương trình môn Toán lớp 11	TS. Hồ Thị Minh Phương	<b>1. Đặng Hữu Bình Lớp SP Toán học K45</b> 2. Lê Thành Đô Lớp SP Toán học K44B 3. Huỳnh Thị Ánh Ngọc Lớp SP Toán học K45 4. Phùng Gia Bảo Lớp SP Toán học K46	Xem góp ý chung; lĩnh vực nghiên cứu: KHXH; tính cấp thiết: viết lại theo tên đề tài đề xuất; mục tiêu ĐT: nhằm phát triển năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học Toán; nội dung: bổ sung nội dung thiết kế một số hoạt động dạy học.	4.200.000	01 bài báo khoa học được chấp nhận đăng trên Tạp chí Khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo có phân biện.

84.	Nghiên cứu chế tạo để SERS dựa trên cơ sở vật liệu Au(Ag)/ZrN ứng dụng phân tích phân tử dopamine	PGS.TS. Lê Thị Ngọc Loan	<b>1. Lê Thị Mỹ Nhi Lớp SP Vật lý K44</b> 2. Nguyễn Thành Trung Lớp SP Vật lý K46 3. Thiều Nữ Khánh Việt Lớp SP Khoa học tự nhiên K46A 4. Phạm Như Ý Lớp SP Khoa Xhọc tự nhiên K46A	Xem góp ý chung; Nội dung chỉnh sửa còn lại: TMĐT đính kèm.	4.200.000	01 bài báo khoa học được chấp nhận đăng trên Tạp chí Khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo có phản biện.
85.	Nghiên cứu ứng dụng Raman và điện hóa để xác định phân tử dopamine	PGS.TS. Lê Thị Ngọc Loan	<b>1. Lê Thị Bích Tuyên Lớp SP Vật lý K44</b> 2. Hồ Nguyễn Hồng Thắm Lớp SP Vật lý K46 3. Nguyễn Thị Thanh Nhân Lớp SP Vật lý K45 4. Hà Ngọc Thu Phương Lớp SP Vật lý K45 5. Trần Thu Hằng Lớp SP Vật lý K45	Xem góp ý chung; Nội dung chỉnh sửa còn lại: TMĐT đính kèm.	3.000.000	01 bản thảo bài báo
86.	Nghiên cứu khả năng hấp phụ và tách lọc khí của vật liệu khung hữu cơ kim loại chứa nhóm DABCO bằng phương pháp mô phỏng	TS. Nguyễn Thị Xuân Huynh	<b>1. Nguyễn Thị Bích Mận Lớp SP Vật lý K44</b> 2. Nguyễn Thị Tuyết Hà Lớp SP Vật lý K44 3. Phạm Thị Kiều My Lớp SP Vật Lý K44 4. Nguyễn Đình Thảo Minh Lớp SP Vật lý K46 5. Phùng Thị Như Thương Lớp SP Vật lý K46	Xem góp ý chung; Nội dung chỉnh sửa còn lại: TMĐT đính kèm.	4.200.000	01 bài báo khoa học được chấp nhận đăng trên Tạp chí Khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo có phản biện.

87.	Nghiên cứu chế tạo và khảo sát tính chất bắt giữ khí H <sub>2</sub> S dựa trên nền Bentonite ứng dụng trong đầu lọc khí sinh học	PGS.TS. Nguyễn Minh Vương	<b>1. Đỗ Hồng Hạnh Lớp SP Vật lý K44</b> <b>2. Huỳnh Tiến Chức Lớp SP Vật lý K45</b> <b>3. Hà Xuân Đạt Lớp SP Vật lý K45</b>	Xem góp ý chung; Nội dung chỉnh sửa: TMĐT đính kèm.	4.200.000	01 bài báo khoa học được chấp nhận đăng trên kỷ yếu Hội nghị /hội thảo /Tập chí khoa học có phản biện.
88.	Nghiên cứu tính chất nhạy khí, hơi của vật liệu dựa trên màng mỏng bán dẫn ZnO chế tạo bằng phương pháp phun xạ	PGS.TS. Nguyễn Minh Vương	<b>1. Nguyễn Hoàng Hiệp Lớp SP Vật lý K44</b> <b>2. Nguyễn Quỳnh Thơ Lớp SP Vật lý K44</b> <b>3. Nguyễn Văn Hoài Lớp SP Khoa học tự nhiên K45A</b> <b>4. Huỳnh Kim Tiến Lớp SP Khoa học tự nhiên K45B</b>	Xem góp ý chung; Nội dung chỉnh sửa: TMĐT đính kèm.	4.200.000	01 bài báo khoa học được chấp nhận đăng trên kỷ yếu Hội nghị /hội thảo /Tập chí khoa học có phản biện.
89.	Nghiên cứu chế tạo vật liệu dựa trên cơ sở graphene ứng dụng làm chất xúc tác xử lý nước	PGS.TS. Phan Thanh Hải	<b>1. Phạm Thị Hà Vy Lớp SP Vật lý K45</b> <b>2. Nguyễn Hồng Hải Yến Lớp SP Vật lý K45</b> <b>3. Lê Thị Nhật Lệ Lớp SP Vật lý K44</b> <b>4. Lê Võ Anh Quân Lớp SP Vật lý K44</b> <b>5. Đoàn Diễm Phúc Lớp SP Vật lý K44</b>	Xem góp ý chung; Nội dung chỉnh sửa còn lại: TMĐT đính kèm.	3.000.000	01 bản thảo bài báo
90.	Nghiên cứu phân tán vật liệu ZnO/g-C <sub>3</sub> N <sub>4</sub> trên nền polymer định hướng ứng dụng xử lý	TS. Nguyễn Thị Lan	<b>1. Đặng Trung Hậu Lớp SP Hóa học K44</b>	Xem góp ý chung; Nội dung chỉnh sửa còn lại: mục 9,10, 12 - TMĐT đính kèm.	4.200.000	01 bài báo khoa học được chấp nhận đăng trên Tạp



	chất màu hữu cơ ô nhiễm trong dung dịch nước		<p>2. Nguyễn Văn Thường Lớp SP Hóa học K45</p> <p>3. Nguyễn Lương Khương An Lớp SP Khoa học tự nhiên K45B</p> <p>4. Nguyễn Vũ Diệu Linh Lớp SP Khoa học tự nhiên K44</p> <p>5. Nguyễn Hồ Duy Lớp SP Khoc học tự nhiên K46C</p>			chí Khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo có phần biện.
91.	Nghiên cứu tổng hợp và biến tính $CuS_x$ ứng dụng làm chất xúc tác quang	PGS.TS. Võ Viễn	<p><b>1. Nguyễn Hồ Duy Lớp SP Hoá học K45</b></p> <p>2. Huỳnh Thị Thanh Trâm Lớp SP Hoá học K45</p> <p>3. Nguyễn Thị Kim Phi Lớp SP Hoá học K45</p> <p>4. Nguyễn Sê Chin Lớp SP Hoá học K45</p> <p>5. Võ Ngọc Trà My Lớp SP Hoá học K45</p>	Xem góp ý chung; Nội dung chỉnh sửa còn lại: mục 9,10, 12 - TMĐT đính kèm.	4.200.000	01 bài báo khoa học được chấp nhận đăng trên Tạp chí Khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo có phần biện.
92.	Thiết kế dạy học STEM môn Khoa học tự nhiên lớp 6	TS. Lê Thị Đặng Chi	<p><b>1. Nguyễn Thị Thu Diễm</b> Lớp SP Khoa học tự nhiên K44</p> <p>2. Nguyễn Thị Cẩm Lê Lớp SP Khoa học tự nhiên K44</p> <p>3. Dương Phạm Thùy Trinh Lớp SP Khoa học tự nhiên K44</p> <p>4. Lê Thị Trúc Nhã Lớp SP Khoa học tự nhiên K44</p> <p>5. Hoàng Phương Thảo Lớp SP Khoa học tự nhiên K46A</p>	Xem góp ý chung; Mục 9-12: TMĐT đính kèm	3.000.000	01 bản thảo bài báo

93.	Nghiên cứu khả năng thu hồi Chitin từ vỏ cua để điều chế Glucosamine	TS. Huỳnh Thị Minh Thành	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Cao Mỹ Duyên Lớp SP Khoa học tự nhiên K46B</li> <li>2. Nguyễn Thuỳ Trang Lớp SP Khoa học tự nhiên K46B</li> <li>3. Phùng Thị Mỹ Linh Lớp SP Khoa học tự nhiên K46B</li> <li>4. Lý Công Lượng Lớp SP Khoa học tự nhiên K46B</li> <li>5. Nguyễn Phạm Văn Trường Lớp SP Khoa học tự nhiên K46B</li> </ol>	Xem góp ý chung; tính cấp thiết, làm rõ các nội dung sau: tổng quan về glucosamine và ứng dụng; trình bày ngắn gọn vì sao chọn vỏ cua; giải thích lựa chọn phương pháp bán sinh học; sử dụng danh pháp IU PAC; Điều chỉnh mục tiêu phù hợp với ND nghiên cứu vì tới bước này chỉ thu được Chitin; đối tượng nghiên cứu: vỏ cua; phương pháp nghiên cứu không rõ ràng; nội dung không phải phương pháp nghiên cứu; bổ sung khả năng ứng dụng: kết quả nghiên cứu là TLTK..	3.000.000	01 bản thảo bài báo
94.	Khảo sát quá trình khử khoáng và protein để thu nhận Glucosamine từ vỏ cua bằng phương pháp bán sinh học	TS. Huỳnh Thị Minh Thành	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Nguyễn Nhật Tuấn Lớp SP Khoa học tự nhiên K46A</li> <li>2. Đào Hà Yên Lớp SP Khoa học tự nhiên K46A</li> <li>3. Đỗ Ánh Kiều Lớp SP Khoa học tự nhiên K46A</li> <li>4. Nguyễn Thị Nhật Ly Lớp SP Khoa học tự nhiên K46A</li> </ol>	Xem góp ý chung; Đối tượng nghiên cứu là vỏ cua, sống hay đã qua chế biến? sử dụng danh pháp IU PAC.	3.000.000	01 bản thảo bài báo
95.	Tổng hợp composite $Fe_x[Fe(CN)_6]_y/g-C_3N_4$ và khảo sát hoạt tính xúc tác quang	PGS.TS. Nguyễn Văn Kim	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Phan Thị Thúy Hằng Lớp SP Khoa học tự nhiên K45A</li> <li>2. Đinh Thị Thu Hiền Lớp SP Hóa học K44</li> <li>3. Trần Văn Thành Lớp SP Hóa học K44</li> <li>4. Phạm Huỳnh Văn Anh Lớp SP Khoa học tự nhiên K45A</li> <li>5. Trần Huy Lớp SP Khoa học tự nhiên K45A</li> </ol>	Xem góp ý chung; Mục 9-12: TMDT đính kèm	4.200.000	01 bài báo khoa học được chấp nhận đăng trên Tạp chí Khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo có phần biện.

96.	Tái chế lõi than trong pin sơ cấp thải làm vật liệu hai chiều graphene ứng dụng trong xúc tác	TS. Lê Thị Thanh Liễu	<ol style="list-style-type: none"> <li><b>Hồ Đoàn Phương Thảo Lớp SP Hoá học K45</b></li> <li>Lâm Thị Thuý Kiều Lớp SP Hoá học K45</li> <li>Nguyễn Ngọc Diệu Lớp SP Khoa học tự nhiên K45A</li> <li>Nguyễn Tú Quyên Lớp SP Khoa học tự nhiên K45B</li> <li>Nguyễn Thị Đầu Lớp SP Khoa học tự nhiên K46C</li> </ol>	Xem góp ý chung; Mục 8- tính cấp thiết: graphite không đe dọa sức khỏe, mục 10: xem xét tính khả thi của 1 đề tài sinh viên.	4.200.000	01 bài báo khoa học được chấp nhận đăng trên Tạp chí Khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo có phản biện.
97.	Nghiên cứu tổng hợp và biến tính ZnO định hướng ứng dụng làm điện cực cho ắc quy	TS. Huỳnh Thị Lan Phương	<ol style="list-style-type: none"> <li><b>Lê Thị Mỹ Cẩm Lớp SP Khoa học tự nhiên K45A</b></li> <li>Trần Thị Phương Ái Lớp SP Khoa học tự nhiên K45A</li> <li>Huỳnh Bùi Thu Hạ Lớp SP Khoa học tự nhiên K45A</li> <li>Lê Tấn Lai Lớp SP Khoa học tự nhiên K45A</li> <li>Thái Hoàng Kim Chi Lớp SP Khoa học tự nhiên K45A</li> </ol>	Xem góp ý chung; viết hóa từ ắc quy; mục tiêu: biến tính bằng tác nhân gì? Mục 10: viết rõ nội dung ứng với từng mục; nội dung nghiên cứu: cần bổ sung khảo sát tính điện hóa.	3.000.000	01 bản thảo bài báo
98.	Nghiên cứu tạo màng sinh học từ chitosan và tinh dầu thiên nhiên nhằm định hướng ứng dụng trong bảo quản thực phẩm	TS. Hồ Văn Ban	<ol style="list-style-type: none"> <li><b>Tô Thị Kim Loan Lớp SP Khoa học tự nhiên K46B</b></li> <li>Nguyễn Thị Diễm Linh Lớp SP Khoa học tự nhiên K46C</li> <li>Đào Hiền Minh Lớp SP Khoa học tự nhiên K46C</li> <li>Lê Thị Minh Thư Lớp SP Khoa học tự nhiên K46B</li> <li>Mai Bảo Trâm Lớp SP Khoa học tự nhiên K46B</li> </ol>	Xem góp ý chung; mục 9-12: TMĐT đính kèm.	3.000.000	01 bản thảo bài báo

99.	Nghiên cứu khả năng chống oxi hóa và kháng khuẩn của màng cellulose acetate/oregano	TS. Đặng Thị Tố Nữ	<b>1. Hà Quỳnh Như Lớp SP Khoa học tự nhiên K46C</b> 2. Lê Thị Kim Oanh Lớp SP Khoa học tự nhiên K46C 3. Lê Thị Nữ Lớp SP Khoa học tự nhiên K46C 4. Trần Đăng Mỹ Dung Lớp SP Khoa học tự nhiên K46C 5. Nguyễn Võ Ngọc Lữ Lớp SP Khoa học tự nhiên K44	Xem góp ý chung; mục tiêu: thể hiện rõ tính kế thừa; mục 11: xem TMĐT	4.200.000	01 bài báo khoa học được chấp nhận đăng trên Tạp chí Khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo có phản biện.
100.	Tổng hợp và biến tính phức $\text{Co}_x[\text{Fe}(\text{CN})_6]_y$ ứng dụng xử lý hợp chất hữu cơ độc hại trong nước	PGS.TS. Nguyễn Thị Việt Nga	<b>1. Nguyễn Thị Quỳnh Giao Lớp SP Khoa học tự nhiên K45A</b> 2. Đỗ Hoàng Chinh Lớp SP Hóa học K44 3. Trần Thị Thanh Tuyền Lớp SP Hóa học K44 4. Trần Thị Phương Diễm Lớp SP Khoa học tự nhiên K45A 5. Phạm Hồ Khánh Đoan Lớp SP Khoa học tự nhiên K45A	Xem góp ý chung; mục tiêu: tham khảo TMĐT của thầy Kim, cân nhắc số lượng công việc; viết lại mục 12.	4.200.000	01 bài báo khoa học được chấp nhận đăng trên Tạp chí Khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo có phản biện.
101.	Nghiên cứu tổng hợp nano oxide đất hiếm/chitosan ứng dụng làm chế phẩm sinh học cho cây đương quy	PGS.TS. Cao Văn Hoàng	<b>1. Nguyễn Việt Trung Lớp SP Hóa học K45</b> 2. Đặng Thị Diệu Linh Lớp SP Hóa học K45 3. Huỳnh Xuân Trường Lớp SP Hóa học K44 4. Nguyễn Thúy Hằng Lớp SP Khoa học tự nhiên K45B 5. Phạm Trần Thanh Ngân Lớp SP Hóa học K45	Xem góp ý chung; mục 9-12: TMĐT đính kèm.	4.200.000	01 bài báo khoa học được chấp nhận đăng trên Tạp chí Khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo có phản biện.
102.	Nghiên cứu liên kết hydrogen không cổ điển trong các phức	PGS.TS. Nguyễn Tiến Trung	<b>1. Nguyễn Tuấn Tú Lớp SP Khoa học tự nhiên K46A</b>	Xem góp ý chung.	3.000.000	01 bản thảo bài báo

	của $\text{CHX}_3$ với CZ (X= F, Cl, Br; Z= O, S, Se, Te) bằng phương pháp hóa học lượng tử		<ul style="list-style-type: none"> <li>2. Lê Công Đức Lớp SP Khoa học tự nhiên K46A</li> <li>3. Trần Thị Thắm Lớp SP Khoa học tự nhiên K46A</li> <li>4. Nguyễn Thị Hồng Chi Lớp SP Khoa học tự nhiên K46A</li> <li>5. Nguyễn Quỳnh Như Lớp SP Khoa học tự nhiên K46A</li> </ul>			
103.	Nghiên cứu liên kết hydrogen không cổ điển trong các phức của $\text{CHX}_3$ với $\text{YH}_3$ (X= F, Cl, Br; Y= N, P, As, Sb) bằng phương pháp hóa học lượng tử	PGS.TS. Nguyễn Tiến Trung	<ul style="list-style-type: none"> <li><b>1. Đặng Thị Anh Thư Lớp SP Khoa học tự nhiên K46A</b></li> <li>2. Trần Trương Trúc Trâm Lớp SP Khoa học tự nhiên K46A</li> <li>3. Trần Nguyễn Khánh Linh Lớp SP Khoa học tự nhiên K46A</li> </ul>	Xem góp ý chung.	3.000.000	01 bản thảo bài báo
104.	Nghiên cứu ảnh hưởng nồng độ của vật liệu nano xeria đến sự sinh trưởng, phát triển và hình thái của chồi Đinh lăng ( <i>Polyscias fruticosa</i> )	ThS. Hồ Tân	<ul style="list-style-type: none"> <li><b>1. Huỳnh Nguyệt Chiêu Lớp SP Sinh học K44</b></li> <li>2. Lê Đức Hòa Lớp SP Sinh học K44</li> <li>3. Đặng Thanh Nhã Lớp SP Sinh học K44</li> <li>4. Nguyễn Hà Sương Lớp SP Sinh học K46</li> <li>5. Đào Quý Phi Lớp SP Sinh học K46</li> </ul>	Xem góp ý chung; lĩnh vực nghiên cứu: KHTN; mục 8,9,12: TMĐT đính kèm.	3.000.000	01 bản thảo bài báo
105.	Nghiên cứu phân lập, nuôi cấy các chủng vi khuẩn <i>Bacillus clausii</i> , vi khuẩn <i>Bacillus</i>	TS. Ngô Kim Khuê	<ul style="list-style-type: none"> <li><b>1. Lê Nguyễn Thanh Bình Lớp SP Sinh học K45</b></li> <li>2. Ngô Thị Cẩm Tuyên Lớp SP Sinh học K44</li> </ul>	Xem góp ý chung; mục 9,12: TMĐT đính kèm.	3.000.000	01 bản thảo bài báo

	amyloliquefaciens và Nấm men		3. Đào Thị Thu Thảo Lớp SP Sinh học K45 4. Phạm Đào Huyền Trang Lớp SP Sinh học K45			
106.	Thử nghiệm phân lập và nuôi luân trùng và Moina nước ngọt	TS. Võ Văn Chí	1. <b>Nguyễn Ngọc Hân Lớp SP Khoa học tự nhiên K46B</b> 2. Trần Lê Diệu Hằng Lớp SP Khoa học tự nhiên K46B 3. Nguyễn Thị Hằng Lớp SP Khoa học tự nhiên K46B 4. Phạm Anh Tuấn Lớp SP Khoa học tự nhiên K46B 5. Hoàng Thị Phương Thảo Lớp SP Sinh học K46	Xem góp ý chung; mục 8,10,12: TMĐT đính kèm.	3.000.000	01 bản thảo bài báo
107.	Xây dựng website trắc nghiệm môn Tin học theo định hướng thi tốt nghiệp THPT Quốc gia	Trần Thiên Thành	1. <b>Nguyễn Quang Huy Lớp SP Tin học K46</b> 2. Lê Thị Ngọc Nhất Lớp SP Tin học K46 3. Lê Phương Thảo Lớp SP Tin học K46 4. Lê Thị Hải Lớp SP Tin học K46 5. Nguyễn Trọng Khôi Lớp SP Tin học K46	Xem nội dung góp ý chung; tính cấp thiết: trình bày tổng quan tình hình tại: có sẵn chưa hay có sẵn cho các môn học khác chưa? Từ thực trạng dẫn đến tính cấp thiết. Mục tiêu: xây dựng một website thi thử trắc nghiệm môn Tin học... Sản phẩm: Bộ đoạn <i>nếu được hoàn thiện</i> ... ứng dụng TLTK cho sinh viên hay đối tượng nào? lĩnh vực gì?	3.700.000	Website trắc nghiệm theo định dạng đề thi mẫu của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
108.	Xây dựng phần mềm hỗ trợ tạo bộ dữ liệu thử nghiệm trong giảng dạy một số học phần lập trình máy tính	Phùng Văn Minh	1. <b>Ngô Thị Hồng Nhung Lớp SP Tin học K44</b> 2. Nguyễn Trà My Lớp SP Tin học K45	Xem nội dung góp ý chung; mục tiêu: xây dựng thành công phần mềm hỗ trợ tạo bộ dữ liệu thử nghiệm trong giảng dạy một số học phần. Phạm vi nghiên cứu: xác định rõ học phần cụ thể nào? Sản phẩm: phần mềm. Khả năng ứng dụng: GV? SV?	3.700.000	Phần mềm ứng dụng.

109.	Hoạt động “tham vấn” và “thỉnh nguyện” của Viện Dân biểu Bắc Kỳ (1926 - 1939)	TS. Nguyễn Văn Phụng	<b>1. Nguyễn Thị Hồng Hạnh Lớp SP Lịch sử K44</b> 2. Nguyễn Đăng Đức Lớp SP Lịch sử K44 3. Nguyễn Thị Thu Hằng Lớp SP Lịch sử K44 4. Trương Thị Mỹ Ly Lớp SP Lịch sử K45 5. Bo Bo Quốc Hùng Lớp SP Lịch sử K45	Xem nội dung góp ý chung; Mục 8-12: xem TMĐT	4.200.000	01 bài báo khoa học được chấp nhận đăng trên Tạp chí Khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo có phản biện.
110.	Nghiên cứu tri thức bản địa trong phát triển sinh kế đồng bào dân tộc thiểu số ở huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định	TS. Nguyễn Đức Tôn	<b>1. Trần Quang Khiêm Lớp SP Lịch sử - Địa lý K45A</b> 2. Nguyễn Thái Bảo Lớp SP Lịch sử - Địa lý K45A 3. Nguyễn Thị Thu Hương Lớp SP Lịch sử - Địa lý K45A 4. Trần Thu Hiền Lớp SP Lịch sử - Địa lý K45B 4. Nguyễn Quốc Thịnh Lớp Ngôn ngữ Anh K46C	Xem góp ý chung; Mục tiêu: xem TMĐT, khả năng ứng dụng; làm rõ khả năng ứng dụng về khoa học và học tập	4.200.000	01 bài báo khoa học được chấp nhận đăng trên Tạp chí Khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo có phản biện.
111.	Thiết kế và tổ chức hoạt động dạy học Địa lý lớp 10 với sự trợ giúp của công nghệ thông tin	TS. Lê Thị Lành	<b>1. Rlan Trường Lớp SP Địa lý K45</b> 2. Phạm Quốc Lâm Lớp SP Địa lý K45 3. Nguyễn Thị Hồng Lụa Lớp SP Địa lý K45 4. Ngô Thanh Tuyền Lớp SP Địa lý K46	Xem góp ý chung; Mục 8, 9,12: TMĐT đính kèm	4.200.000	01 bài báo khoa học được chấp nhận đăng trên Tạp chí Khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo có phản biện.
112.	Hình tượng chén rượu trong thơ Omar Khayyam và Lý Bạch	TS. Nguyễn Thị Nguyệt Trinh	<b>1. Hà Thị Tường Vy</b> Lớp SP Ngữ văn K44	Xem góp ý chung; nội dung nghiên cứu: bổ sung nội dung so sánh đối chiếu giữa 02 thời gian; làm rõ sự	3.000.000	01 bản thảo bài báo.



			2. Phạm Thị Bình An Lớp SP Ngữ văn K46	phối hợp giữa các thành viên trong tiến trình nghiên cứu		
113.	Khảo luận hồ sơ tác giả Hán Nôm Đào Phan Duân	TS. Võ Minh Hải	<b>1. Nguyễn Thị Cẩm Tú Lớp SP Ngữ văn K44</b> 2. Trương Thị Thuỷ Tiên Lớp SP Ngữ văn K44 3. Bùi Nữ Hoàng Giang Lớp SP Ngữ văn K44 4. Châu Thái Hoàng Linh Lớp SP Ngữ văn K44 5. Trần Hiền Thục Lớp SP Ngữ văn K44	Xem góp ý chung; các nội dung khác: TMĐT đính kèm	4.200.000	01 bài báo khoa học được chấp nhận đăng trên Tạp chí Khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo có phản biện.
114.	Khảo sát thực trạng sử dụng các ấn phẩm văn hóa đại chúng để phát triển kỹ năng tiếng Anh của SV chuyên ngữ tại Trường Đại học Quy Nhơn và một số đề xuất	ThS. Võ Thiện An	<b>1. Phạm Đặng Thùy Trang Lớp SP Tiếng Anh K45C</b> 2. Nguyễn Lê Hoàng Hạnh Lớp SP Tiếng Anh K45C 3. Cao Nhã Uyên Lớp SP Tiếng Anh K45C	Xem nội dung phân góp ý chung. Mục tiêu NC: bỏ ý thứ 3.	4.200.000	01 bài báo khoa học được chấp nhận đăng trên Tạp chí Khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo có phản biện.

ĐẠO  
T

*(Handwritten signature)*

*Ấn định danh sách gồm 114 đề tài được xét chọn*